

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2023 - 2024  
Tuần 36: từ ngày 15/04/2024 đến ngày 21/04/2024

| THỨ<br>LỚP                     |       | Thứ 2                                         |        | Thứ 3                                        |        | Thứ 4                                        |        | Thứ 5                                |                                         | Thứ 6 |  |        |
|--------------------------------|-------|-----------------------------------------------|--------|----------------------------------------------|--------|----------------------------------------------|--------|--------------------------------------|-----------------------------------------|-------|--|--------|
| CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY  |       |                                               |        |                                              |        |                                              |        |                                      |                                         |       |  |        |
| K8-DVTY<br>P.303               | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Vệ sinh ATTP (Quyên)         | 1<br>4 | Thực tập cơ bản                              | 4      | Thực tập cơ bản                              | 4      | Nghỉ ngày Giỗ tổ<br>Hùng Vương 10/03 | Thực tập cơ bản                         |       |  | 4      |
|                                | Chiều |                                               |        |                                              |        |                                              |        |                                      |                                         |       |  |        |
| K9-DVTY<br>P.303               | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Vệ sinh ATTP (Quyên)         | 1<br>4 | Giống vật nuôi (Phượng)                      | 5      |                                              |        |                                      | Dược lý thú y (Lệ)                      |       |  | 5      |
|                                | Chiều |                                               |        |                                              |        |                                              |        |                                      |                                         |       |  |        |
| K9-KTDN<br>K8-KTDN<br>P.302    | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Tiếng anh CN (Phiên)         | 1<br>4 | Thị trường CK (Thảo)<br>Tiếng anh CN (Phiên) | 3<br>2 | Tiếng anh CN (Phiên)<br>Thị trường CK (Thảo) | 3<br>2 |                                      | Quản trị VP (Thuý)<br>Quản trị DN (Sơn) |       |  | 3<br>2 |
|                                | Chiều |                                               |        |                                              |        |                                              |        |                                      |                                         |       |  |        |
| CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY |       |                                               |        |                                              |        |                                              |        |                                      |                                         |       |  |        |
| TT63A1<br>P.201                | Sáng  |                                               |        |                                              |        |                                              |        | Nghỉ ngày Giỗ tổ<br>Hùng Vương 10/03 | Côn trùng chuyên khoa (Huệ)             |       |  | 4      |
|                                | Chiều | Sinh hoạt lớp<br>Hoá BVTV (Hương)             | 1<br>3 | Khuyến nông (Thọ)                            | 4      |                                              |        |                                      |                                         |       |  |        |
| CNTY62A1<br>P.204              | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Kỹ sinh trùng thú y (Phượng) | 1<br>4 | KT thịt và các sp khác (Duyên)               | 4      | Ngoại sản (Hưng)                             | 4      |                                      |                                         |       |  |        |
|                                | Chiều |                                               |        |                                              |        |                                              |        |                                      |                                         |       |  |        |
| CNTY62A3<br>P.205              | Sáng  | Sinh hoạt lớp (Hoà)<br>Luật thú y (Nga)       | 1<br>4 | KTNPTB cho lợn (Quyên)                       | 4      | KTNPTB cho lợn (Quyên)                       | 4      |                                      |                                         |       |  |        |
|                                | Chiều |                                               |        |                                              |        |                                              |        |                                      |                                         |       |  |        |
| CNTY63A1<br>P.101              | Sáng  |                                               |        |                                              |        |                                              |        |                                      |                                         |       |  |        |
|                                | Chiều | Sinh hoạt lớp<br>VSV - Truyền nhiễm (Hoà)     | 1<br>3 | CĐ và ĐTH thú y (Vân)                        | 4      |                                              |        |                                      | GDTC (Quang)                            |       |  | 4      |
| CNTY63A3<br>P.102              | Sáng  |                                               |        |                                              |        |                                              |        |                                      |                                         |       |  |        |
|                                | Chiều | Sinh hoạt lớp<br>Giống vật nuôi (Hàng)        | 1<br>3 | VSV - Truyền nhiễm (Hoà)                     | 4      |                                              |        |                                      | CĐ và ĐTH thú y (Vân)                   |       |  | 4      |
| CNTY63A4<br>P.103              | Sáng  |                                               |        | Giống vật nuôi (Phượng)                      | 5      |                                              |        |                                      | Dược lý thú y (Lệ)                      |       |  | 5      |
|                                | Chiều | Sinh hoạt lớp<br>VSV - Truyền nhiễm (Duyên)   | 1<br>3 | CĐ và ĐTH thú y (Quyên)                      | 4      |                                              |        |                                      |                                         |       |  |        |

|                   |       |                                     |        |                           |   |                         |   |                                  |   |
|-------------------|-------|-------------------------------------|--------|---------------------------|---|-------------------------|---|----------------------------------|---|
| KTDN62B           | Sáng  | THKT trong DNSX (Dung)              | 4      | THKT trong DNSX (Dung)    | 4 | KTHCSN (Thảo)           | 4 |                                  |   |
|                   | Chiều |                                     |        |                           |   |                         |   |                                  |   |
| KTDN63A<br>P.305  | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Thuế (P.Thảo)      | 1<br>4 | Nguyên lý marketing (Son) | 3 | Giáo dục QP - AN (Mạnh) | 5 | Giáo dục QP - AN (Mạnh)          | 5 |
|                   | Chiều |                                     |        | Lý thuyết TCTT (T.Huyền)  | 2 |                         |   |                                  |   |
| KTDN63B           | Sáng  | Thuế (Thảo)                         | 4      | Thuế (Thảo)               | 4 | Kinh tế chính trị (Quế) | 4 | Tài chính DN (Dung)              | 4 |
|                   | Chiều |                                     |        | Soạn thảo VB (Mai)        | 4 |                         |   |                                  |   |
| CNTT63A1<br>P.203 | Sáng  |                                     |        |                           |   | Mạng máy tính (Quang)   | 5 | Tiếng anh chuyên ngành<br>(Linh) | 4 |
|                   | Chiều | Sinh hoạt lớp<br>Tổ chức QLDN (Son) | 1<br>3 | Cấu trúc MT (Hà)          | 4 |                         |   |                                  |   |
| CNTT63A2<br>P.202 | Sáng  |                                     |        |                           |   | Tổ chức QLDN (Thủy)     | 5 | QTCSDL với Access<br>(Trường)    | 5 |
|                   | Chiều | Sinh hoạt lớp<br>Cấu trúc MT (Hà)   | 1<br>3 | Cơ sở DL (Phương)         | 4 | Mạng máy tính (Quang)   | 4 |                                  |   |
| ĐCN63A1<br>P.A102 | Sáng  |                                     |        |                           |   |                         |   | Khí cụ điện (Đ.Đức)              | 4 |
|                   | Chiều | Khí cụ điện (Đ.Đức)                 | 2      | Máy điện (Tuấn)           | 4 | Máy điện (Tuấn)         | 4 |                                  |   |
| ĐCN63A2<br>P.A301 | Sáng  |                                     |        |                           |   |                         |   | Đo lường điện (Tuấn)             | 4 |
|                   | Chiều | Máy điện (Giáp)                     | 4      | Tiếng anh (Phiên)         | 2 | Máy điện (Giáp)         | 4 | Máy điện (Giáp)                  | 4 |
| ĐCN63A3<br>P.A302 | Sáng  |                                     |        |                           |   | Máy điện (Giáp)         | 5 |                                  |   |
|                   | Chiều | Sinh hoạt lớp<br>Tiếng anh (Linh)   | 1<br>3 | Máy điện (Giáp)           | 4 |                         |   |                                  |   |
| ĐCN63B            | Sáng  | Máy điện (Huân)                     | 4      | Máy điện (Huân)           | 4 | Máy điện (Huân)         | 4 | Máy điện (Huân)                  | 4 |
|                   | Chiều |                                     |        | Máy điện (Huân)           | 4 |                         |   |                                  |   |
| TL62              | Sáng  | TT tay nghề cơ bản                  | 5      | TT tay nghề cơ bản        | 5 | TT tay nghề cơ bản      | 5 |                                  |   |
|                   | Chiều |                                     |        |                           |   |                         |   |                                  |   |
| TL63B             | Sáng  | Thủy văn (Hoà)                      | 4      | Vẽ KT thủy lợi (N.Đức)    | 4 | QLVH tưới tiêu (Huyền)  | 4 | Vẽ KT thủy lợi (N.Đức)           | 4 |
|                   | Chiều |                                     |        | Thủy văn (Hoà)            | 4 |                         |   |                                  |   |

Nghị ngày Giỗ tổ  
Hùng Vương 10/03





|         |       |                           |   |                                 |   |                                   |                                 |   |
|---------|-------|---------------------------|---|---------------------------------|---|-----------------------------------|---------------------------------|---|
| CBTS 63 | Sáng  | Chế biến Surimi (Năm)     | 4 | Thu mua, BQVCNL thủy sản (Liên) | 4 | Nghỉ ngày Giỗ tổ Hùng Vương 10/03 | Thu mua, BQVCNL thủy sản (Liên) | 4 |
|         | Chiều |                           |   | Chế biến Surimi (Năm)           | 4 |                                   |                                 |   |
| KTMTT63 | Sáng  | KT điện - điện lạnh (Ánh) | 4 | Dung sai và KT đo (Bình)        | 4 |                                   | KT điện - điện lạnh (Ánh)       | 4 |
|         | Chiều |                           |   | KT điện - điện lạnh (Ánh)       | 4 |                                   |                                 |   |
| ĐKTB63  | Sáng  | Khai thác tàu biển (Đồng) | 4 | Tin học hàng hải (Quang)        | 4 |                                   | Bảo quản vỏ tàu (Tiến)          | 4 |
|         | Chiều |                           |   | Máy điện hàng hải (Trung)       | 4 |                                   |                                 |   |

**CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN**

| THỨ               |       | Thứ 6                   |   | Thứ 7                                      |   | Chủ nhật                                 |   |
|-------------------|-------|-------------------------|---|--------------------------------------------|---|------------------------------------------|---|
| LỚP               |       |                         |   |                                            |   |                                          |   |
| TT62A2<br>P.305   | Sáng  |                         |   | TT cơ bản (Thọ)                            | 4 | TT cơ bản (Thọ)                          | 4 |
|                   | Chiều |                         |   | TT cơ bản (Thọ)                            | 4 | TT cơ bản (Thọ)                          | 4 |
| CNTY62A2<br>P.304 | Sáng  |                         |   | Quản trị kinh doanh (Thuỷ)                 | 5 | Sinh hoạt lớp<br>Ngoại sản (Hung)        | 4 |
|                   | Chiều |                         |   | Ngoại sản (Hung)                           | 4 | Quản trị kinh doanh (Thuỷ)               | 4 |
| TT63A2<br>P.303   | Sáng  | GDTC (Hội)              | 4 | Giáo dục QP - AN (Mạnh)                    | 5 | Sinh hoạt lớp<br>Cây lương thực (Bình)   | 4 |
|                   | Chiều | Giáo dục QP - AN (Mạnh) | 4 | Giáo dục QP - AN (Mạnh)                    | 4 | Cây lương thực (Bình)                    | 4 |
| CNTY63A2<br>P.302 | Sáng  | GDTC (Hội)              | 4 | Giáo dục QP - AN (Mạnh)                    | 5 | Sinh hoạt lớp<br>Giống vật nuôi (Phượng) | 4 |
|                   | Chiều | Giáo dục QP - AN (Mạnh) | 4 | Giáo dục QP - AN (Mạnh)                    | 4 | Giống vật nuôi (Phượng)                  | 4 |
| KTMTT62           | Sáng  |                         |   | Thực hành cơ bản (Đồng)                    | 4 |                                          |   |
|                   | Chiều |                         |   |                                            |   |                                          |   |
| ĐKTB62            | Sáng  |                         |   | Sinh hoạt lớp<br>Địa văn hàng hải 2 (Tiến) | 4 | TACN hàng hải (Ly)                       | 4 |
|                   | Chiều |                         |   | Địa văn hàng hải 2 (Tiến)                  | 4 | TACN hàng hải (Ly)                       | 4 |

**KT HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Lâm Thị Hương**

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2023 - 2024  
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
Tuần 36: từ ngày 15/04/2024 đến ngày 21/04/2024

| THỨ<br>LỚP       |       | Thứ 2                                   | Thứ 3                            | Thứ 4                            | Thứ 5                                | Thứ 6                        |
|------------------|-------|-----------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|
| VH61B1<br>P.201  | Sáng  | Lịch sử (Dư)<br>(Ôn thi) 4              |                                  | Ngữ văn (Hằng)<br>(Ôn thi) 4     | Nghỉ ngày Giỗ tổ<br>Hùng Vương 10/03 | Toán (Quý)<br>(Ôn thi) 4     |
|                  | Chiều |                                         | Toán (Quý)<br>(Ôn thi) (P.104) 4 |                                  |                                      |                              |
| VH61B2<br>P.104  | Sáng  |                                         | Ngữ văn (H.Hà)<br>(Ôn thi) 4     | Lịch sử (Dư)<br>(Ôn thi) 4       |                                      | Ngữ văn (H.Hà)<br>(Ôn thi) 4 |
|                  | Chiều | Địa lý (Ngọc)<br>(Ôn thi) 4             |                                  | Toán (Quý)<br>(Ôn thi) (P.104) 4 |                                      |                              |
| VH52B            | Sáng  | Toán (Nhưng) 4                          | Ngữ văn (Hằng)<br>(Ôn thi) 4     | Toán (Nhưng)<br>(Ôn thi) 4       |                                      | Lịch sử (Dư)<br>(Ôn thi) 4   |
|                  | Chiều | Ngữ văn (Hằng)<br>(Ôn thi) 4            | Toán (Nhưng) 4                   |                                  |                                      |                              |
| VH62B1<br>P.204  | Sáng  |                                         |                                  |                                  |                                      | GDKT và PL (Quyên) 3         |
|                  | Chiều | Lịch sử (Giang) 4                       | Lịch sử (Giang) 4                | Sinh học (Thuy) 4                |                                      | CDLC Hoá học (Hà) 2          |
| VH62B3<br>P.A101 | Sáng  |                                         |                                  |                                  |                                      | CDLC Địa lý (Sáu) 4          |
|                  | Chiều | Sinh hoạt lớp 1<br>Sinh học (Phượng) 3  | Ngữ văn (L.Anh) 4                | Ngữ văn (L.Anh) 4                |                                      | Vật lý (Vân) 3               |
| VH62B4           | Sáng  |                                         |                                  |                                  |                                      | GDKT và PL (Quế) 2           |
|                  | Chiều | Sinh hoạt lớp 1<br>GDKT và PL (Quyên) 3 | Toán (Nhưng) 4                   | Địa lý (Thuy) 4                  |                                      | CDLC Địa lý (Nhài) 4         |
| VH62B5<br>P.301  | Sáng  |                                         |                                  |                                  |                                      | Ngữ văn (Hằng) 4             |
|                  | Chiều | Toán (Quý) 4                            | CDL Địa lý (Nhài) 4              | CDL Địa lý (Nhài) 4              |                                      | Vật lý (Vân) 4               |
|                  |       |                                         |                                  |                                  |                                      | Vật lý (Hoà) 3               |
|                  |       |                                         |                                  |                                  |                                      | GDKT và PL (Quyên) 2         |
|                  |       |                                         |                                  |                                  |                                      | Ngữ văn (Tâm) 4              |





|                  |       |                      |   |                      |                     |                 |                                          |                  |   |
|------------------|-------|----------------------|---|----------------------|---------------------|-----------------|------------------------------------------|------------------|---|
| VH63B1           | Chiều | Sinh hoạt lớp        | 1 |                      | GDKT và PL (Thủy)   | 4               | <p>Nghỉ ngày Giỗ tổ Hùng Vương 10/03</p> | Ngữ văn (Hằng)   | 4 |
|                  |       | Toán (Nhưng)         | 3 |                      |                     |                 |                                          |                  |   |
| VH63B8<br>P.305  | Sáng  |                      |   |                      |                     |                 |                                          |                  |   |
|                  | Chiều | Sinh hoạt lớp        | 1 | Lịch sử (Dự)         | 4                   | Toán (Tú)       |                                          | Ngữ văn (L.Anh)  | 4 |
| VH63B2<br>P.101  |       | Vật lý (Vân)         | 3 |                      |                     |                 |                                          |                  |   |
|                  | Sáng  | Sinh hoạt lớp        | 1 | Toán (Nhưng)         | 3                   | Ngữ văn (Tâm)   |                                          | Địa lý (Sáu)     | 5 |
|                  |       | Lịch sử (Dự)         | 2 | Địa lý (Sáu)         | 2                   |                 |                                          |                  |   |
|                  |       | GDKT và PL (Quyên)   | 2 |                      |                     |                 |                                          |                  |   |
| VH63B3<br>P.102  | Chiều |                      |   |                      | Sinh học (Thủy)     | 4               |                                          |                  |   |
|                  | Sáng  | Sinh hoạt lớp        | 1 | CĐLC Địa lý (Sáu)    | 3                   | Ngữ văn (L.Anh) |                                          | Hoá học (Hà)     | 2 |
|                  |       | Hoá học (Hà)         | 2 | Toán (Nhưng)         | 2                   |                 |                                          | Toán (Nhưng)     | 3 |
|                  |       | Lịch sử (Dự)         | 2 |                      |                     |                 |                                          |                  |   |
| VH63B4<br>P.103  | Chiều |                      |   |                      | CĐLC Địa lý (Sáu)   | 4               |                                          |                  |   |
|                  | Sáng  | Sinh hoạt lớp        | 1 |                      | Địa lý (Nhài)       | 5               |                                          |                  |   |
|                  |       | Toán (Quý)           | 2 |                      |                     |                 |                                          |                  |   |
| VH63B5<br>P.A102 |       | GDKT và PL (Tài)     | 2 |                      |                     |                 |                                          | Sinh học (Thủy)  | 4 |
|                  | Chiều |                      |   |                      | GDKT và PL (Tài)    | 4               |                                          | Ngữ văn (Tâm)    | 5 |
|                  | Sáng  | Sinh hoạt lớp        | 1 | CĐLC Lịch sử (Giang) | 3                   | Toán (Quý)      |                                          |                  |   |
| VH63B6<br>P.203  |       | CĐLC Lịch sử (Giang) | 4 | Vật lý (Hoà)         | 2                   | Hoá học (Vân)   |                                          |                  |   |
|                  | Sáng  | Sinh hoạt lớp        | 1 | GDKT và PL (Quế)     | 3                   |                 |                                          |                  |   |
|                  |       | Vật lý (Hoà)         | 2 | Toán (Quý)           | 2                   |                 |                                          |                  |   |
|                  |       | Hoá học (Hà)         | 2 |                      |                     |                 |                                          |                  |   |
| VH63B7<br>P.202  | Chiều |                      |   |                      | CĐLC Địa lý (Chung) | 4               |                                          | GDKT và PL (Quế) | 4 |
|                  | Sáng  | Sinh hoạt lớp        | 1 | Toán (Quý)           | 3                   |                 |                                          |                  |   |
|                  |       | Ngữ văn (H.Hà)       | 4 | Lịch sử (Giang)      | 2                   |                 |                                          | Địa lý (Chung)   | 4 |
|                  | Chiều |                      |   |                      |                     |                 |                                          |                  |   |

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lâm Thị Hương